TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26**/2026/DS-PT
Ngày: 19 - 01 - 2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Y Phi Kbuôr

Các Thẩm phán: Ông Trần Duy Phương và bà Lê Thị Thanh Huyền

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Kim Duyên – Thư ký viên Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thu Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 578/TLPT-DS, ngày 09 tháng 12 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".*

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2025/DS-ST, ngày 16/10/2025 của Toà án nhân dân Khu vực 15 – Đắk Lắk, bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 483/2025/QĐ-PT, ngày 12/12/2025 giữa các đương sự;

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Quang T, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn 2, xã S, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn có yêu cầu phản tố: Ông Bùi Nam B, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn H, xã S, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người làm chứng:

- Bà Trần Thị S, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn 2, xã S, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Ông Lê Văn N; nơi thường trú: Thôn 7, xã S, tỉnh Đắk Lắk; nơi ở hiện tại: xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai (cũ), vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Bùi Nam B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn ông Trịnh Quang T trình bày:**

Ngày 15/11/2023, ông Bùi Nam B có vay ông T số tiền 1.180.000.000đ với lãi suất 15%/năm, thời hạn vay đến ngày 15/4/2024 trả đủ cả gốc và lãi. Nhưng đến nay ông B chưa trả khoản nào cho ông T. Ông T khởi kiện yêu cầu Toà buộc ông B trả cho ông số tiền gốc 1.180.000.000đ, tiền lãi trong hạn tính từ ngày 15/11/2023 đến ngày 15/4/2024 là 73.750.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật, không yêu cầu tiền lãi quá hạn. Ông T không đồng ý yêu cầu phản tố của ông B. Vì các chứng cứ ông B cung cấp đều có trước khi vay tiền ngày 15/11/2023.

*** Bị đơn ông Bùi Nam B trình bày:** Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T. Vì lý do, thực tế năm 2020 ông T có cho ông B vay số tiền 200.000.000đ, tháng 12 năm 2023 ông T chuyển khoản cho ông B mượn thêm 50.000.000đ, tổng cộng 250.000.000đ tiền gốc. Vì điều kiện kinh tế khó khăn, ông T tính lãi quá cao nên ông B trả lãi không đúng hẹn thì ông T nhiều lần viết lại giấy vay tiền cộng tiền lãi thành tiền gốc yêu cầu ông B ký nhận nợ và hăm doạ nếu không ký sẽ tố cáo ông B ra khỏi ngành Công an. Lần cuối cùng ông T viết giấy vay tiền yêu cầu ông B ký là tháng 11 năm 2023 với số tiền vay gốc tổng cộng 1.180.000.000đ, khi viết giấy vay thì ông B có để lại cho ông T giữ 01 Giấy chứng minh công an nhân dân mang tên Bùi Nam B, nhưng hiện nay đã trả. Thực tế ông B đã chuyển khoản trả cho ông T qua số tài khoản của ông T và bà S nhiều lần với số tiền tổng cộng 405.000.000đ, như vậy ông B đã trả cho ông T vượt số tiền vay ban đầu rất nhiều. Ngoài ra, ông B có yêu cầu phản tố đề nghị Toà huỷ Giấy vay tiền ngày 15/11/2023 giữa ông B và ông T và buộc ông T bồi thường danh dự, nhân phẩm cho ông B số tiền 200.000.000đ.

*** Người làm chứng:**

- Bà Trần Thị S trình bày: Xác nhận có nhận tiền chuyển khoản từ ông B nhưng đã lâu nên không nhớ nhận bao nhiêu lần và bao nhiêu tiền. Số tiền ông B chuyển khoản vào tài khoản của bà số tiền ông T nợ bà và ông T nhờ ông B chuyển trả thay. Bà S không biết gì về việc vay tiền giữa ông T và ông B.

- Ông Lê Văn N trình bày: Năm 2021 ông N có giới thiệu cho ông B vay tiền của ông T 200.000.000đ và ông B để lại cho ông T giữ thẻ ngành công an để làm tin. Sau một thời gian thì ông B đã trả đủ cả gốc và lãi cho ông T. Từ cuối năm 2021 đến nay ông không gặp lại ông T và ông B.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2025/DS-ST, ngày 16/10/2025 của Toà án nhân dân Khu vực 15 – Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 200, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Quang T. Buộc bị đơn ông Bùi Nam B có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Trịnh Quang T tổng số tiền 1.264.218.500 đồng, trong đó tiền gốc 1.180.000.000đ, tiền lãi trong hạn 73.750.000đ, tiền lãi chậm trả 11.062.500đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Bùi Nam B về huỷ Giấy vay tiền ngày 15/11/2023 và bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm số tiền 200.000.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 29/10/2025, bị đơn ông Bùi Nam B làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm. Xác định lại nghĩa vụ trả nợ của ông B theo giấy vay ngày 19/01/2022 số tiền vay là 265 triệu đồng và lãi suất theo quy định. Xem xét hành vi cho vay nặng lãi và việc ép buộc ký hợp đồng của ông Trịnh Quang T. Không đồng ý việc buộc ông B phải trả tiền gốc 1.180.000.000 đồng và lãi suất cho ông T.

Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Nam B, giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Bùi Nam B trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức. Người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định nên vụ án được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Ông Bùi Nam B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm. Xác định lại nghĩa vụ trả nợ của ông B theo giấy vay ngày 19/01/2022 số tiền vay là 265 triệu đồng và lãi suất theo quy định. Xem xét hành vi cho vay nặng lãi và việc ép buộc ký hợp đồng của ông Trịnh Quang T. Không chấp nhận về việc buộc ông B trả tiền gốc 1.180.000.000 đồng cho ông T.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[3.1] Đối với các giấy vay tiền đề ngày 03/12/2022 và ngày 15/10/2023 do ông Bùi Nam B cung cấp, các giấy vay này chỉ thể hiện chữ ký của bên vay là ông Bùi Nam B, không có chữ ký hoặc xác nhận của bên cho vay là ông Trịnh Quang T. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trịnh Quang T không thừa nhận việc xác lập các giao dịch vay tiền này. Bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ khác chứng minh các giấy vay tiền này được các bên cùng xác lập hoặc có liên quan đến nghĩa vụ vay đang tranh chấp. Do đó, không có căn cứ xem xét các giấy vay tiền đề ngày 03/12/2022 và ngày 15/10/2023 trong việc giải quyết vụ án.

[3.2] Về số tiền vay theo Giấy vay tiền ghi ngày 15/11/2023

Giấy vay tiền lập ngày 15/11/2023 thể hiện ông Bùi Nam B vay của ông Trịnh Quang T số tiền 1.180.000.000 đồng, có chữ ký và họ tên của ông B. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông B thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền là của mình, không có tranh chấp về hình thức, chủ thể giao dịch.

Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết không phải chứng minh. Ông B cho rằng số tiền ghi trong giấy vay là do cộng dồn tiền lãi, không phản ánh số tiền vay thực tế, tuy nhiên ông B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ hợp pháp nào chứng minh cho lời trình bày này.

Các chứng cứ do ông Bùi Nam B xuất trình gồm sao kê chuyển khoản và lời khai của người làm chứng bà Trần Thị S, ông Lê Văn N không đủ căn cứ xác định

đây là các khoản tiền thanh toán cho nghĩa vụ vay theo Giấy vay tiền ngày 15/11/2023. Bởi lẽ, các giao dịch chuyển khoản mà ông B viện dẫn đều phát sinh trước thời điểm các bên lập Giấy vay tiền vào ngày 15/11/2023, trong khi giấy vay này là giao dịch dân sự được xác lập sau cùng, thể hiện ý chí của các bên tại thời điểm giao kết.

Mặt khác, nội dung sao kê không thể hiện mục đích chuyển tiền là để trả nợ theo Giấy vay tiền lập ngày 15/11/2023; một số khoản tiền được chuyển vào tài khoản bà Trần Thị S thì theo lời khai của chính bà S là để thanh toán các khoản nợ khác giữa bà và ông T hoặc do ông T nhờ chuyển trả thay, không liên quan đến quan hệ vay tiền giữa ông B và ông T. Bà S cũng xác nhận không biết và không chứng kiến việc vay tiền theo Giấy vay tiền ngày 15/11/2023.

Đối với lời khai của ông Lê Văn Nghị, ông N chỉ xác nhận việc vay tiền giữa các bên xảy ra trước năm 2021 và đã được thanh toán xong, ngoài ra không có thông tin, không chứng kiến việc xác lập Giấy vay tiền ngày 15/11/2023.

Bị đơn ông B phải có nghĩa vụ chứng minh về việc phản đối yêu cầu khởi kiện của ông T. Trong khi đó, ông B không xuất trình được chứng cứ trực tiếp thể hiện việc thanh toán, đối trừ nghĩa vụ hoặc thỏa thuận cấn trừ đối với khoản vay ghi nhận tại Giấy vay tiền ngày 15/11/2023. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các chứng cứ nêu trên không làm thay đổi bản chất quan hệ vay tài sản theo Giấy vay tiền lập ngày 15/11/2023 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Giấy vay tiền ghi ngày 15/11/2023 để xác định số tiền vay là 1.180.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự.

[3.3] Về lập luận cho rằng có hành vi cho vay lãi nặng, ép buộc ký giấy vay.

Ông B cho rằng ông T cho vay với lãi suất cao và có hành vi ép buộc ký giấy vay tiền. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày một phía, ông B không xuất trình được chứng cứ chứng minh có việc đe dọa, cưỡng ép hoặc hành vi vi phạm điều cấm của pháp luật khi xác lập giao dịch, ông T thì không thừa nhận.

Mặt khác, mức lãi suất được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là 15%/năm, không vượt quá mức trần 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, không có căn cứ để xác định hợp đồng vay tiền vô hiệu do cho vay lãi nặng hoặc do bị cưỡng ép.

[3.4] Đối với yêu cầu hủy các giấy vay tiền trước đó.

Yêu cầu tuyên vô hiệu các giấy vay tiền lập trước ngày 15/11/2023 được ông B đưa ra sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ và hòa giải. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu này là đúng quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.5] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Bị đơn ông Bùi Nam B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có căn cứ pháp lý để hủy Giấy vay tiền ngày 15/11/2023 cũng như không chứng minh được thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu phản tố này là đúng pháp luật.

[3.6] Đối với yêu cầu chuyển hồ sơ vụ án sang cơ quan Điều tra, thì thấy:

Bị đơn ông Bùi Nam B cho rằng hành vi của nguyên đơn ông Trịnh Quang T có dấu hiệu cho vay nặng lãi, ép buộc ký giấy vay tiền nên đề nghị chuyển hồ sơ vụ án cho cơ quan Điều tra làm rõ, xem xét trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông B không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh có hành vi đe dọa, cưỡng ép, chiếm đoạt tài sản hoặc cho vay với lãi suất vượt quá mức lãi suất theo quy định của pháp luật hình sự. Do đó, không có căn cứ xác định vụ việc có dấu hiệu tội phạm để chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chuyển hồ sơ vụ án sang cơ quan điều tra của bị đơn là có căn cứ.

Từ các phân tích, nhận định nêu trên thì thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, khách quan các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; việc đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật là đúng quy định. Bị đơn không cung cấp được tình tiết, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Nam B.

[4] Tại Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm có tuyên *"Buộc bị đơn ông Bùi Nam B có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Trịnh Quang T tổng số tiền 1.264.218.500đ (một tỷ hai trăm sáu mươi bốn triệu hai trăm mười tám nghìn năm trăm đồng) ..."* là có sự nhầm lẫn trong tính toán, mà chính xác là số tiền 1.264.812.500 đồng nên vào ngày 10/11/2025 Toà án nhân dân Khu vực 15 đã có Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận, ông Bùi Nam B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Nam B.

Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST, ngày 16/10/2025 của Toà án nhân dân Khu vực 15 – Đắk Lắk.

[2] Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Quang T. Buộc bị đơn ông Bùi Nam B có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Trịnh Quang T tổng số tiền 1.264.812.500 đồng (một tỷ hai trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm mười hai nghìn năm trăm đồng), trong đó tiền gốc 1.180.000.000đ, tiền lãi trong hạn 73.750.000đ, tiền lãi chậm trả 11.062.500đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2.2] Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Bùi Nam B về yêu cầu huỷ Giấy vay tiền ngày 15/11/2023 và bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm số tiền 200.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Bùi Nam B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0004258, ngày 11/11/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 - Đắk Lắk.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Khu vực 15;
- Phòng THADS Khu vực 15;
- Cổng TTĐT Toà án;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr